TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN X** **THÀNH PHỐ N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 49/2022/QĐST-KDTM	*N, ngày 30 tháng 8 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 46/2022/TLST-KDTM "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" ngày 28 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. ***Công nhận sự thoả thuận của các đương sự***:

1.1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại Q (XX)

Địa chỉ trụ sở chính: Số XX Đường L, phường T, quận G, Thành phố N; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê H - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà: Lê T; Chức vụ: Trưởng phòng tố tụng hệ thống. CMND số: 03617600**** do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 14/7/2014 (Văn bản ủy quyền số 27/UQ-XXAMC ngày

10/01/2022 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Q).

Địa chỉ gửi thư, tống đạt văn bản: Tầng 6 tòa nhà XX, số 3 LX, phường LX, quận B, thành phố N.

Người nhận ủy quyền lại: Ông Lỗ C; Giấy chứng minh nhan dân số: 135879**** do Công an thành phố N cấp ngày 01.10.2014; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Q; Số điện thoại liên hệ: 097753****.

1.2. Bị đơn: Công ty cổ phần P; Mã số thuế: 010313****; Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Z, số XX đường K, phường T, quận X, thành phố N;

Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ H, sinh năm 1972; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ X, sinh năm 1970; Căn cước công dân số 00107001**** do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24.12.2019; Nơi cư trú: ĐX, thôn Q, xã S, huyện O, thành phố N. Văn bản ủy quyền ngày 01.8.2022.

2. ***Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau***:

2.1. **Về số tiền phải thanh toán**: Xác nhận tính đến ngày 22.8.2022, Công ty cổ phần P còn phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại Q số tiền nợ tại Hợp đồng tín dụng số 9560.21.820.193****.TD ký ngày 18/03/2021 là:

Nợ gốc: **2,844,858,561** đồng (*hai tỷ tám trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm năm mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi mốt đồng*).

Nợ lãi: **235,273,700** đồng (*hai trăm ba mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm đồng*)

Tổng nợ gốc và nợ lãi: **3,080,132,261** đồng (*ba tỷ không trăm tám mươi triệu một trăm ba mươi hai nghìn hai trăm sáu mươi mốt đồng*).

2.2. Công ty cổ phần P phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 9560.21.820.193****.TD ký ngày 18/03/2021 từ ngày 23/8/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ;

2.3. Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty cổ phần P

vi phạm nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại Q có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty cổ phần P để thu hồi nợ cho đến khi tất toán khoản vay.

2.4. Về án phí: Công ty cổ phần P phải chịu 46.801.323 đồng (*bốn mươi sáu triệu tám trăm linh một nghìn ba trăm hai mươi ba đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng thương mại Q số tiền 46.200.000 đồng (*bốn mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0007867 ngày 28.6.2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận X, thành phố N.

3. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)